

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày 11-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST- HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 11/28/52 M, phường D, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Không cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang Đ (đã chết) và bà Trần Thị T; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 38/QĐ-TA ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng (chưa thi hành). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 3 năm 2020, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2020; có mặt.

- Người làm chứng: Ông Trần Sỹ T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 20 phút ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại khu vực trước cửa nhà số 25 đường Trang Quan, thôn T, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải

Phòng; tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng kết hợp cùng Công an xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng bắt quả tang Lê Văn T (sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: số 11/28/52 M, phường Dư H, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khám xét thu giữ trong túi quần T đang mặc 01 túi nilon màu trắng, kích thước 2x2cm bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy. Tạm giữ của T 01 điện thoại di động màu đen, 01 xe mô tô biển số 16R9-0217, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T và số tiền 50.000 đồng. Xét nghiệm chất ma túy bằng test thử trong nước tiểu của Lê Văn T cho kết quả dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số 146/KLGD-MT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đối với chất tinh thể thu giữ của Lê Văn Thành xác định: *Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,58 gam, là loại: Methamphetamine.*

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa bị cáo Lê Văn T khai nhận: T không có nơi ở cố định. Thời điểm bị bắt, T mới đến ở cùng bạn gái tại nhà trọ ở thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng được khoảng 10 ngày. Do nghiện ma túy, ngày 27 tháng 3 năm 2020 T đã mua 01 túi ma túy của một người phụ nữ không quen biết tại một quán nước ở gần cầu An Dương thuộc xã An Đồng, huyện An Dương với giá 500.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy bị cáo cất giấu ma túy vào trong túi quần đang mặc trên người và đi về nhà trọ. Khi bị cáo đi đến khu vực trước cửa nhà số 25 đường Trang Quan, thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Công bố lời khai người làm chứng có nội dung như bị cáo Lê Văn T đã khai nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trình bày buộc tội phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư niêm phong, trong

chứa ma túy còn lại sau giám định và bao bì mẫu vật có dấu niêm phong của cơ quan giám định số 146/2020/PC09 và chữ ký của Lê Văn Thành.

- Tạm giữ số tiền 50.000đồng đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự của bị cáo .

- Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T do Cục cảnh sát cấp ngày 15 tháng 8 năm 2018 và 01 chiếc điện thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, người làm chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về việc mua ma túy về sử dụng cho bản thân, khi bị cáo đi về đến cửa nhà số 25 đường Trang Quan, thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thì bị phát hiện bắt giữ phù hợp với lời khai bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Công an lập vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Công an xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với bản Kết luận giám định số 146/KLGD -MT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[4] Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người làm chứng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Văn Thành đã có hành vi cất giữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân, bị phát hiện bắt giữ tại thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, vi phạm Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng của bị cáo theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng là ma túy, có khối lượng: 0,58gam là loại Methamphetamine đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vi phạm khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ thì Methamphetamine có số thứ tự số 323 là chất ma túy thuộc danh mục các chất ma túy do Chính phủ ban hành.

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Về nhân thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nghiện chất ma túy. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nhất định cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tài liệu hồ sơ xác định bị cáo có một tiền sự chưa thi hành nên cần áp dụng một hình phạt tương xứng với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng:

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng. Xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không mang tính chất vụ lợi, trước khi bị bắt bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được số ma túy bị cáo cất giữ, sau khi giám định số ma túy còn lại cùng toàn bộ vỏ bao bì được niêm phong lại trong phong bì có dấu niêm phong số 146/2020/PC09 có chữ ký của bị cáo; 01 điện thoại di động màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T và 50.000đồng thu giữ của Lê Văn T. Cơ quan điều tra chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết theo vụ án. Xét số ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành

nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại, số tiền 50.000đồng, 01 căn cước công dân đã thu giữ của bị cáo là tài sản cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ số tiền 50.000đồng để đảm bảo thi hành án dân sự của bị cáo. Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân số 031095005305 mang tên Lê Văn T do Cục cảnh sát cấp ngày 15 tháng 8 năm 2018, 01 điện thoại di động màu đen xám đã qua sử dụng.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER biển số 16R9-0217, tài liệu xác minh thể hiện chiếc xe này có số khung, số máy là của xe mô tô biển số 16N7-1223, đăng ký tên ông Đỗ Hồng T, trú tại Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; còn biển số 16R9-0217 là của một chiếc xe khác. Do chưa xác minh được chủ sở hữu của xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm rõ, xử lý sau.

[11] Về những vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Lê Văn T do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 254, 259, 260 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lê Văn T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao bì được niêm phong lại trong phong bì có dấu niêm phong số 146/2020/PC09 và chữ ký của Lê Văn Thành.

- Tạm giữ số tiền 50.000đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân số 031095005305 mang tên Lê Văn Thành do Cục cảnh sát dân cư cấp ngày 18 tháng 5 năm 2018, 01 điện thoại di động màu đen xám đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại in chữ 'neffos' Model TP910A, ANATEL: 07287-17-02940 không kiểm tra bên trong máy và tình trạng hoạt động của máy .

(Toàn bộ các vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26 tháng 6 năm 2020, biên lai thu tiền số 0003653 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

An Dương, thành phố Hải Phòng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Phòng PV6 CATP;
- Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

